

Bản án số: 31/2019/HS-ST

Ngày 22-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn H, sinh năm 1990; tên gọi khác: Đ; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn P, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 (chết); tiền án: 01 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 24/8/2018 bị Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 10 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2019 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17, ngày 10/6/2019.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: **Không biết chữ**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1936 và bà Dương Thị B, sinh năm 1956; tiền án: 01 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày

28/12/2016 bị Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 03 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2018 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18, ngày 10/6/2019.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Trần Chí L, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Nguyễn Văn R, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- **Người làm chứng:**

1. Trần Chí T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Trần Văn Hồng K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội.

Vào khoảng 05 giờ, ngày 18/5/2019 Dương Văn H đi bộ đến nhà của Nguyễn Văn T rủ đi trộm gà, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 66NA-025.52 chở H ngồi phía sau, đi hướng xã P đến xã H, huyện T, trên đường đi T lượm một cái bao loại bao chứa phân bón, màu xanh, có dòng chữ "Được mùa lúa vàng" đưa cho H. H dùng thuốc lá đang hút châm nhiều lỗ trên thân bao. Khi đến địa phận thuộc ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, H quan sát thấy dưới sân nhà của bà Trần Thị C có 03 lồng (bội) đang úp 03 con gà trống. H kêu T chạy xe chậm qua một đoạn khoảng 50m, ngừng xe lại cho H xuống rồi T quay ngược lại hướng chợ xã H. T dừng xe đợi còn H cầm theo cái bao đi về hướng 03 bội úp gà, quan sát không thấy ai H liền bắt 01 con gà trống lông màu vàng-đỏ-xanh, chân màu xanh, 01 con gà trống lông màu đỏ-xanh, chân vàng bỏ vào bao, sau đó gọi điện thoại cho T đến rước. Cả hai nhanh chóng tẩu thoát về hướng xã T, huyện T.

Trên đường tẩu thoát thì anh Trần Chí T thấy 02 đối tượng có biểu hiện nghi vấn nên truy hô và chạy bộ đuổi theo, lúc này có anh Nguyễn Văn H đi trên đường nghe tiếng truy hô nên anh K đã hỗ trợ anh T đuổi bắt được T và H cùng tang vật là 02 con gà trống.

Tại Bản kết luận định giá số 17/BKLĐG, ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 con gà trống lông màu vàng-đỏ-xanh, chân màu xanh; 01 con gà trống lông màu

đỏ-xanh, chân màu vàng có tổng trọng lượng 5,3 kg x 100.000 đồng = 530.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKS-TN ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Dương Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Dương Văn H, về tội “Trộm cắp tài sản” mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên theo quyết định truy tố của Cáo trạng.

- Bị cáo Dương Văn H khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Tờ tự nhận ngày 18/5/2019 của bị cáo H; Tờ tự khai ngày 18/5/2019 của bị cáo T; Bản kết luận định giá số 17/BKLDG, ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Giữa các bị cáo thực hiện vụ án là đồng phạm; tuy có thỏa thuận với nhau trước, nhưng không thuộc dạng phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, khi thống nhất ý chí thì cùng nhau thực hiện phạm tội chứ không có sự sắp xếp, phân công cụ thể, rõ ràng vai trò trước khi phạm tội. Cụ thể trong vụ án này vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Dương Văn H phạm tội với vai trò chính, là người rủ rê, lôi kéo bị cáo T cùng tham gia trộm. Bị cáo H là người trực tiếp bắt 02 con gà trống của anh Trần Chí L bỏ vào bao sau đó lên xe cho bị cáo T điều khiển tẩu thoát.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không ngăn cản mà còn đồng ý và dùng xe mô tô của bị cáo chở bị cáo H đi trên đường thấy tài sản không người trông coi thì lên lút trộm cắp, bị cáo tạo điều kiện thuận lợi giúp cho bị cáo H hoàn thành việc phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút có tổng giá trị 530.000 đồng dưới định lượng nhưng các bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích mà tái phạm. Cụ thể: Bị cáo H, 01 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 24/8/2018 bị Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 10 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2019; Bị cáo T, 01 tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 28/12/2016 bị Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2018.

Như vậy, hành vi của các bị cáo H và T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân các bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền sinh hoạt chi tiêu cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó thấy được ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản được thu hồi; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng không có.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản được thu hồi; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo lao động chính nuôi cha mẹ lớn tuổi, thuộc diện hộ nghèo (Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Đức ngày 19/6/2019) nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét thấy bản thân các bị cáo là thành phần lao động phổ thông thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại Trần Chí L 02 con gà trống đã nhận lại xong và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 cái bao màu trắng, kích thước: ngang 0^m60, dài 1m, trên bề mặt bao có chữ “Được mùa lúa vàng” màu xanh (đã qua sử dụng); 01 sim điện thoại số 0336450875 (đã qua sử dụng); 01 sim số 0397516029 (đã qua sử dụng) không còn giá trị sử dụng và các bị cáo không có yêu cầu nhận lại. Xét thấy, vật chứng này là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, hiệu NOKIA 105 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 điện thoại di động màu đen, hiệu SAMSUNG 0168 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong). Xét thấy, vật chứng này là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô biển số 66NA-025.52 do Nguyễn Văn R (em ruột bị cáo T) đứng tên chủ sở hữu, R giao cho bị cáo T sử dụng để chở cha, mẹ đi khám chữa

bệnh. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn R xong nên không xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Văn R không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô biển số 66NA-025.52 vào việc trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo H và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng bị cáo T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái bao màu trắng, kích thước: ngang 0^m60, dài 1m, trên bề mặt bao có chữ “Được mùa lúa vàng” màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) sim điện thoại số 0336450875 (đã qua sử dụng); 01 (một) sim số 0397516029 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu NOKIA 105 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu SAMSUNG 0168 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ đồng án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo T không phải nộp án phí.

4. Án xử công khai có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông